

## Giải - phóng lịch - sử

Thế-chiến thứ hai, do khủng-hoảng ý-thức-hệ Tây-phương trong tổ-chức xã-hội tư-bản kỹ-nghệ, làm suy yếu những cường quốc già ở Tây-Âu, là điều-kiện khách-quan khiến cho cao-trào giải-phóng thuộc-địa dồn dập tăng tiến và thành công ở Á-Phi. Nhưng điều-kiện chủ-quan vẫn là tinh-thần ái-quốc nồng nhiệt, ý-thức nhân-phẩm cùng khả-năng tiếp-thụ tiến-bộ của các dân-tộc nhược-tiểu khiến họ có thể kết hợp vùng dậy, xóa bỏ đau thương tủi nhục, nơi vài ba mươi năm, nơi trăm năm, nơi hàng nhiều thế-kỷ dằng dặc.

Tương-quan quyền-bính thay đổi giữa mẫu-quốc và thuộc-địa thì tính cách đối-thoại giữa hai bên cũng thay đổi theo. Khi kẻ xâm-lăng cho rằng chỉ có quốc-gia mình mới đáng đứng địa-vị chủ-nhân-ông, có quyền ăn nói, thì đám dân nô-lệ thường thường chỉ còn tìm cách tỏ bày ý-kiến bằng sức mạnh mà thôi. Thắng hoặc có dùng lời để tranh-đấu thì lời nói cũng mang tính chất hằn học, hăm hực, tràn trề tình cảm sôi động, có khi che lấp tính cách lý-trí vững vàng.

Công cuộc giải - phóng thuộc-địa, về mặt chính-trị, chấm dứt phần nào sự bất công trong lối đối-thoại đó. Nhưng nếu công-trình giải-phóng chưa hoàn-thành khi hiệp-ước công nhận độc-lập được ký-kết bởi vì quá-khứ thuộc-trị vẫn còn

sừng-sững, thì đám người có trách-nhiệm trong quốc-gia trời dậy vẫn thấy còn phải gắng tìm cho quốc-gia mình một lối thoát để mà tiến bước vững vàng, không mặc-cảm, với các tập-thể khác. Điều này dẫn đến sự cần-thiết hiểu biết đúng đắn về quốc-gia, trong đó có một đòi hỏi thấu đáo về quá - khứ, lịch-sử của dân - tộc. Vậy mà, như đã nói, lịch - sử của một quốc - gia bị trị không được hiểu một cách chính-xác, lại bị bóp méo theo với nhu-cầu và nhãn-quan của quốc-gia thống-trị. Người trí-thức mà hôm qua còn thuộc thành phần nô-lệ, nay thấy cần sử-dụng nhiều hơn những phương-tiện có trong tay để xóa bỏ sai lầm, hồng đưa đến những nhận-định chính-xác. Cuộc tranh-đấu tư-tưởng này không phải là không gay-go, vì ở trong một bề ngoài bình-dẳng — người tự-do tranh-luận với người tự-do — lại ẩn dấu một vết tích bất bình-dẳng: luận-cứ biện-hộ cho hành-động và hành-động trợ giúp cho luận-cứ khiến cho kẻ mạnh trong quá khứ này có thừa lý lẽ để bẻ vặn một ý-kiến trái lại, hay hiền hòa hơn, khác đi. Chính vì sự cam go trong có đặt cả danh dự và viễn-đồ quốc - gia mà người ta mới có thể dùng từ-ngữ *giải-phóng* để chỉ một ý-thức tìm hiểu lịch-sử dân-tộc, cởi bỏ những xiềng-xích tư tưởng đã được



tròng vào đề biến-dạng quá-khứ đi.

« Giải-phóng lịch-sử » đi đôi rồi tiếp nối cuộc giải-phóng chính-trị, được đề-xướng bởi những nhà trí-thức đã đóng góp vào công trình giành độc-lập của nhân-dân xứ sở họ. M. C. Sahli là một trong những kẻ tiên-phong. Tháng 6-1966, trên một quầy sách ở Sài Gòn có bày bán quyển *Décoloniser l'histoire* của ông, với tựa đề nhỏ « Dẫn vào lịch sử vùng Maghreb » (*Introduction à l'Histoire du Maghreb*) (1), tỏ rõ mối quan tâm muốn xóa tan đến tận cùng quá khứ thuộc-địa của trí-thức ở một xứ vẫn hãnh diện rằng cuộc tranh đấu quân-sự nơi đó đã đánh một đòn quyết liệt vào hệ-thống đế-quốc Âu-Tây, thúc đẩy hàng loạt quốc-gia Phi-châu tiến đến độc-lập theo một nhịp độ mau chóng hơn.

Sách có 8 chương, không kể chương mở và chương kết. Dựa vào các sự-kiện rõ ràng, tác giả bàn đến những luận-cứ của các tướng lãnh, nhà cai-trị, học-giả Pháp đưa ra cốt để chứng minh tính-cách lạc-hậu của dân Bắc-Phi, từ đó có lý lẽ biện-minh cho công cuộc khai thác, đồng-hóa vùng này. Mở rộng quan-điểm, tác-giả đề-nghị một cuộc lật ngược kiểu Copernic để sử-gia các cựu thuộc-địa chia xẻ, hợp tác trong công trình giải-phóng lịch-sử.

Sahli nhận thấy sử-học vùng Maghreb được coi như một phương-viện biện-hộ, tuyên truyền cho hành động của chính-quyền cai-trị. Nhà cầm quyền mẫu-quốc lựa chọn những sự-kiện, giải-thích chúng theo một chủ-ý nhất định, khiến người đọc coi như chế-độ ngoại-thuộc là hợp-lý, dĩ nhiên.

Ở mức độ chống đối loại biện-hộ thấp, ta thấy tác-giả chỉ rõ mối tương-quan giữa những điều mà tác-giả gọi

là « những ước - định ý - thức - hệ » và chế-độ thuộc-địa. Gọi là những ước định ý - thức - hệ, tác-giả muốn chỉ những định - kiến lầm lạc kết-hợp nơi ý-thức dân thống-trị về giá-trị dân bị-trị, về tương-quan « thống-trị - bị-trị... » Ước-định chính-yếu, theo tác-giả, là sự võ-đoán về tính cách thấp kém có-nội của dân bị-trị. Võ-đoán này chuyển qua ý-tưởng coi quyền thống-trị như một thứ quyền dùng để bảo-vệ dân nhược-tiểu, một ý-thức kiêu-hãnh về sứ mạng giáo-hóa của dân « văn-minh ».

Kinh-nghiệm thuộc-địa cho ta xác-nhận điều này. Trong buổi đầu đầy đủ sức mạnh tràn lắn, người ta coi chiến-tranh chiếm-hữu thuộc-địa như kết quả của công cuộc truyền-bá văn-minh. Rồi khi phải ngăn chống phong-trào nổi loạn ở các thuộc-địa, luận-cứ trên tuy chuyển biến theo thể thụ-động, nhưng vẫn còn che dấu một ý-thức tự-tôn muợn màng : hãy xem việc người Pháp từ 1950 coi đạo quân viễn-chinh ở Đông-dương như một thứ Thập-tự-quân mới trên chiến-tuyến chống Cộng, bảo - vệ văn - minh Thiên-chúa-giáo Tây-phương thì đủ rõ.

Mối tự-tôn của Tây-phương bộc lộ trong những trò hề chính-trị áp-dụng ở các thuộc-địa như những kiến-nghị ca-

(1) Nhà xuất bản Maspéro, số 77, trong loại Cahiers, livres, 1965.

Hãy xem những âm - hưởng đồng - bộ nhưng lạc loài ở ta trong Nguyễn-văn-Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-nam, Thực chất và Huyền thoại*, Nam-sơn, Sài-gòn, 1961. Nhờ cố gắng riêng tư, tác giả đã cố vượt hoàn cảnh, nhưng lại cũng vì hoàn cảnh mà tác giả không thể đi sâu vào con đường hành động như những người khác và phải cố che dấu tư tưởng trong hình-thức khúc mắc của triết-lý. Nhưng có phải là ta đã đòi hỏi quá nhiều không ?



tụng mẫu quốc, những lời tuyên - bố huyênh-hoang của các viên-chức cai-trị mà ông Nguyễn-văn-Trung đã hệ-thống thành những điều ông gọi là những « huyền-thoại » của thực-dân. Tự-tôn lại cũng thấy xuất hiện dưới những hình-thức khảo-cứu sâu dày, núp bóng vô-tư của khoa-học. Sahli có trích-dẫn J. Monlati, một tác-giả hình như có một năm dạy ở Saigon, mà ý - tưởng đi từ nhận xét trên vùng Maghreb được tổng-quát-hóa đến các nền văn-minh nhiệt-đới, phương Đông : « Hình như người dân Barbarie đến lúc cần thì lại thiếu năng-lực thiết-yếu, thiếu bản-linh thích-ứng, thiếu tổ-chức, ý-chí cải-tiến ra ngoài khuôn - khổ ; vì khuôn - khổ mà không được nhậ tân sẽ trở thành lối mòn hủ-lậu khiến cho dân-tộc mất khả-năng tự quyết định kịp thời.

« Cho nên lịch-sử hình như khiến cho một vài nền văn-minh Đông-phương mơ mộng và văn-minh nhiệt-đới vô tư lự, hờ hững, phải trở thành chậm tiến. Vài khía cạnh về tương-lai của các xứ ả-rập, ả-rập-hóa, hồi-giáo-hóa nữa, đã tỏ ra là của một nền văn - minh hỗn - độn, rối loạn... »

Ngầm ám-chỉ rằng văn-minh Âu-châu được phát-triển trên vùng ôn-đới, một vùng « đất hứa », khiến có đủ điều-kiện tiên-thiên để phát-triển tốt độ, dẫn dắt một đám dân được ơn phước thống-trị hoàn-cầu, các sử-gia Tây-phương đã coi các dân-tộc ở vùng nhiệt-đới như đã thiếu điều-kiện tiến - bộ ngay từ khởi đầu. Tránh con đường ưu-tiên chủng-tộc, người vòng lại bằng những qui-định của điều - kiện địa - dư. Không biết Sahli có ám chỉ gì đến P. Gourou (1) không, khi cãi rằng không phải vùng Barbarie cần cải bởi đất cao độ mặn, vì

thời La-mã thuộc-nô được coi là vựa lúa của thành Roma. Cách giải thích sự suy tàn của nền văn-minh Cổ Trung-Mỹ có phải nhằm dụng ý che chở tội ác của bọn Conquistadors không ? Lối cấy lúa ngập nước, coi như một phản-ứng khôn ngoan của những dân-tộc chống lại hiện-tượng xâm-thực đất đai, nhưng lại được lấy dùng để giải-thích sự phát-triển quanh quẩn vùng đất thấp của dân Việt, trong khi không biết bao nhiêu chứng cứ thần-thoại, lịch-sử, trả lời ngược lại, cho biết một kết-quả là chính mối tương giao văn-hóa, nhân-chúng, thường xuyên giữa « núi - đồng » ở địa-phương đã khiến cho dân-tộc Việt tách rời con đường Trung-hoa-hóa vẫn cổ tri náu từ sau thời Bắc-thuộc.

Tư-tưởng Mác-xít xoay sự đàn áp « mẫu quốc — thuộc địa » chuyển vào sự đàn áp của nền chuyên-chính vô-sản chống tư-bản, nhưng cũng không tránh khỏi quan-niệm quy-về Châu-Âu có ngay từ Marx, quan niệm đã khiến Lénine lúc còn lao đao lặn dạn thì trút oán vào đầu bọn tư-bản và « lao-động trưởng-già » ở Tây-Âu, còn đối với Staline nắm quyền được ở một nước Nga to lớn vững vàng thì lại khiến các lãnh tụ đàn em phải thốt lời chua chát qua các kinh-nghiệm đắng cay trong khi xoay chuyển ép mình sao cho phong-trào giải-phóng thuộc-địa « có lợi cho sự phát-triển phong-trào vô-sản » mới được hi vọng nâng đỡ (2).

(1) *Les Pays tropicaux*, P.U.E., 1950

(2) Stuarts Schram, H.C.D'Ecassee — *Le Marxisme et l'Asie 1853-1964*, A.Colin, 1965, phần trình bày và trang 251 (lời tuyên bố của Staline). Người lãnh tụ Cộng-sản Việt hẳn còn nhớ vì sao mình « cần thiết » mất tích trong khoảng 1934-1941 khi Đệ-tam quốc-tế giao quyền cho M.Thorez lãnh đạo đảng CS Đông-dương cho hợp với đường lối hòa-hoãn tư-bản chống phát-xít của Komintern thời ấy.



Người Tây phương nhìn cuộc sống khốn cùng, lạc loài trong mê tín, hủ lậu của dân thuộc-địa cho rằng tình-trạng đó chứng tỏ một sự trì chậm không ý-thức tiến-bộ kéo dài cả hàng ngàn năm, phải cần dân Âu-châu đến « khai hóa » cho mới mong thay đổi được. Luận-cứ này, một mặt cố tình quên rằng những dấu vết của quá khứ — trong đó có cả mê-tín — vẫn còn ở các vùng thôn-quê các nước tân tiến, và ở cả các thành phố lớn, dưới những hình thức hợp, thời, trang hơn. Có như vậy khoa xã-hội-học mới có một bộ môn khảo-sát gọi là Folklore chứ ! Mặt khác, văn-minh cũng có những bước lùi của nó. Trường hợp đời sống lạc hậu ở các xứ thuộc-địa có thể do nơi chính hành-động đàn áp của kẻ xâm-lăng : những năm đánh chiếm tàn nhẫn, những biện-pháp kinh-tế, chính-trị nhằm tước đoạt tài-sản, tự do, chà đạp văn-minh bản-xứ, khiến cho dân chúng ở đó phải co rút lại trong những vị-trí, những hình thức tổ-chức kinh tế, xã-hội đơn-giản nhất, lạc hậu nhất — do đó « phản-động » nhất — để sống cò. Những tổ-chức bản xứ, thay vì biến đổi theo với đà tiến triển, lại phải cứng rắn trong hình thức có sẵn ; các cá nhân giữ một thái độ không biết cứng cỏi, theo một ý-chí tự-vệ chánh đáng. Phải hiểu như vậy cho trường hợp Thầy chùa Đá-Bạc đánh Tây bằng bùa phép, Phau-xích-Long dựa trên tổ chức Thiên-Địa-hội, dân Kenya với tổ chức Mau Mau, dân Trung-hoa với loạn Quyền-Phi... Khoảng 1945-54, người dân vùng VM thấy phi cơ bay có lần khởi sau đuôi, vội lợi ra đồng bắt sâu do « đế quốc vừa thả xuống phá hoại mùa màng » ; chuyện thật tức cười, nhưng ý-chí chống xâm-lăng có phải bắt cứ lúc nào, ở đâu và nơi ai cũng phải bắt nguồn từ sự hiểu biết tiến-bộ cả đâu.

Và lại, những kết-tập chống đối chính-quyền thuộc địa thường không được đế-quốc nhìn nhận giá trị thực sự. Sabli lấy một ví dụ về người nông dân Algérie thời *circoncellions* chống đế quốc La-mã, phải phất không khí 8 năm tranh đấu gian khổ vừa qua của họ :

« Bị vu khống bởi người công-giáo chống đỡ cho đế-quốc, ít hiểu rõ bởi lịch-sử chính-thống, họ bị coi như những kẻ cướp đường, những tên « rình mò các vựa lúa » (*circum-cellas*). Thực ra, ngay khi lược qua lời kể lại của những kẻ hạ giá họ, họ vẫn tỏ ra như những người cách-mạng thực sự ».

Dẫn chứng nơi một đoạn văn của một người công-giáo đương thời, ta thấy bọn nổi loạn được gọi là những tay cầm đầu các kẻ thánh-thiện ; họ gửi thư cho các địa-chủ bắt xóa nợ, dọa sẽ đánh đuổi nếu không tuân lệnh.

« Thành ra có sự sôi sục cách-mạng không chối cãi được trong phong-trào của bọn *circoncellions* vào các thế-kỷ IV, V. Vượt trên giai-đoạn của một cuộc khởi-loạn mù quáng, phong-trào nhằm vào các tầng lớp liên kết và hưởng lợi trong trật-tự đế-quốc. Nhưng là những người sửa tội, nhóm *circoncellion* chỉ bằng lòng làm một cuộc trả thù xã-hội thôi. Trong hành động của họ, thiếu một nhân-quan chính-trị khiến họ không có được đồng-minh là những người thuộc giáo-phái Donatiste lúc bấy giờ đang sợ hãi họ và chăm chú hết tinh-thần vào cuộc tranh đấu chống người công-giáo La-mã ».

Cho nên không lấy làm lạ rằng Đề-Thám bị gọi là « tên cướp », đám dân biểu tình đòi giảm sưu-thuế là Cộng-sản, đám dân đòi canh-tân kêu nhau bằng chữ « đồng bào » thân thiết, bị gọi



là giấc đồng bào hay ghê gớm hơn, giấc đầu bào...

Thực ra, không phải là trong phản-ứng chống cường-quyền ngoại-trị, tổ chức dân chúng nào cũng có thể giữ một thái-độ hào hùng mã-thượng. Cán cân lực lượng chiến đấu không cho phép họ làm theo ý muốn kẻ thù mong mỗi họ tự sát. Với lại có cả một trạng thái tinh thần đặc biệt liên kết mật thiết với tính cách vũ khí họ đem ra sử-dụng, khiến bọn đế quốc vốn ích kỷ, không đánh giá trị đúng mức. Có khi, sự tan rã của phong trào, nổi bơ vơ lạc lõng lý-tưởng khiến họ sống đời ngoài vòng luật-pháp như một tập-thể tàn hại xã-hội thực-sự. Chúng tôi đã có lần phân tích một trường-hợp cụ-thể của xã-hội thuộc-địa Miền-Nam, Việt không còn nữa mà Tây thì chưa thành, không được chấp nhận, khiến phát sinh phong trào du đấu với nếp sống hào hùng ngoài vòng cương tỏa nơi các đô-thị (1). Khía cạnh kinh-tế của vấn-đề là sự tan rã của hệ-thống kinh-tế xã thôn thuộc địa trước sự xâm lấn thị-trường của đế-quốc (văn-kiện *Senatus Consulte* 1863 và sắc luật *Wannier* 1873 cướp đất trên tay dân Algérie (2)..), trước sự đòi hỏi nhân công khai thác (Tân Guinée đối với nhân công Việt-nam, Nam-Pai đối với Ấn-độ, chế-độ Van den Bosch ở Nam dương...) cùng sự cạnh tranh kỹ nghệ kèm theo áp lực chính-trị làm tan rã nền tiểu-công-nghệ bản-xứ (cạnh tranh hàng vải giữa các xưởng Manchester và Bengale nửa đầu thế kỷ 19) ; tất cả tạo nên cảnh sống lầm than chui rúc ở các bidonville, bên cạnh sự giàu sang của đám chủ-nhân-ông ngoại-quốc, đám quan-lại đầu hàng và bọn trưởng-giả mới sinh sôi nảy nở trong thời thuộc-trị.

Quan-điểm lịch-sử đề cao công ơn khai sáng, reo rắc văn minh của mẫu-quốc cũng được một số dân bản-xứ hòa nhập. Đám thông-ngôn quân-sự của Algérie hãnh diện như đồng bọn xuất thân dưới quyền Trương-vinh-Ký, Tôn-thọ-Tường, nhả nhủ đồng bào mình :

*khuyến đàn con trẻ chớ thầy lay ;*

Thận-trọng-Huê mỗi miệng biện hộ rằng « nước Pháp nguyên không có lòng lấy nước Nam » (3) ; Phạm Quỳnh còm lưng dùng văn-học phục vụ chủ-thuyết « Pháp-Việt đề huề » ; trách gì các chủ nhân ông không lầm tưởng được sự tán đồng của tầng lớp trí-thức bản-xứ :

« Cho đến thế chiến thứ 2, phần lớn trí thức Hồi-giáo đều mong muốn một sự đồng-hóa rộng rãi vào cộng-đồng Pháp (4) ».

Chuyển biến tư tưởng trong quan điểm quốc gia của Trần-độc-Tú cũng là một bằng cứ thích thú về sự thay đổi từ ảnh-hưởng bởi áp-lực Tây-phương đến sự giác ngộ về tính-chất dân-tộc không phải

(1) Phân tích chuyện « Thơ Sáu Trọng » khi bàn về « Bài chòi ở Bình định » (Sử-Địa, đặc khảo về Phong tục Tết Việt-nam và các lân bang, 1967).

(2) P. Bourdieu (*Sociologie de l'Algérie*, PUF, 1961, tr. 106) cũng phải xem các văn-kiện trên như « những khí cụ làm tan rã cơ cấu căn bản của nền kinh-tế và xã-hội bản xứ », « đề bảo đảm quyền hành của nước thống trị và quyền lợi kinh tế của dân nước đó ».

(3) Nguyễn văn Trng, sđd :

(4) Sablier — *L'Islam*. Encyclopédie par l'image, Hachette, 1960, tr. 50. Đáng chú ý là quyền sách viết trong thời kỳ phong trào giành độc lập của Algérie đang lên cao, mà vài dòng dành cho xứ Algérie trong một trình bày về Hồi-giáo như tập này cũng chỉ nhằm mục đích rõ rệt là hạ giá dân-tộc bị trị và biện-hộ cho Chính-sách của Pháp.



như một giá-trị vị-quốc hẹp hòi mà như là một nhận chân về ý-thức nhân-loại. Năm 1918 ông kết án Quyền-Phỉ, cho phong trào này là kết-tinh của mê-tin, bảo thủ, lạc hậu. Lời kết án đó rõ ràng là lập lại của kẻ chiến thắng vì tính cách tự ti phát sinh từ xúc cảm phản-ứng bởi sự yếu hèn của dân-tộc khiến tác giả không dám nhận ý tưởng của mình. Phải đợi đến khi phong trào vận-động dân-tộc của Trung-hoa bùng dậy, tác-giả mới lấy được tự tin. Cùng một sự-kiện, nhưng đứng trên quan-điểm ngược lại, tác giả không những bài bác được đối-phương mà lại còn xác nhận được giá trị trong khuôn khổ lịch-sử và văn-hóa :

« Họ (những người công kích Quyền-Phỉ) chỉ thấy sự bài-ngoại của Quyền-Phỉ ; họ không thấy những nguyên-nhân

phát-sinh ra sự bài-ngoại của Quyền-Phỉ — sự thực rằng từ Nha-phiến chiến tranh, cả nước Trung-hoa phải chịu mùi máu do áp-bức của lính tráng, ngoại giao và giáo-đoàn ngoại-quốc.

« Họ chỉ thấy sự-kiện là Quyền-Phỉ xâm phạm sinh mạng và tài-sản của vài người ngoại quốc, họ không thấy cuộc xâm lăng quân sự và thương-mại của đế-quốc vào Trung-hoa đã gây cho người Trung-hoa những tổn thất vô số về người và của cải như thế nào ». (1)

(Còn tiếp 1 kỳ)

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

(1) *Le Marxisme et l'Asie*, sdd, trg: 289-91, 310-312.

Xem thêm các hình ảnh trích trong *Les Sociétés secrètes en Chine* của J. Chesneaux, Julliard, 1965.

**Tăng cường sinh lực**

**bằng**

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

1483BYT - D.P.Đ.C